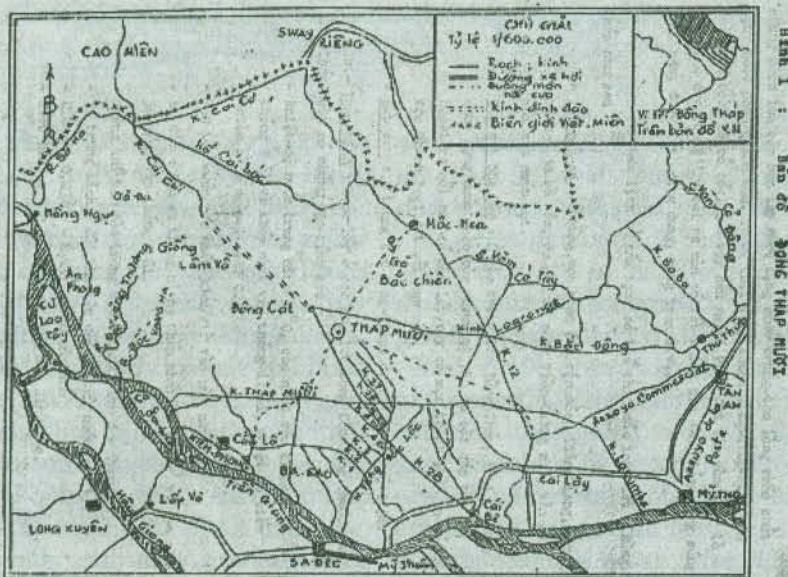


Thủy nông vùng Đông Tháp Mười thời Pháp thuộc

(Từ nửa sau TK XIX đến nửa đầu TK XX)

Trần Hữu Thắng



Bản đồ Đông Tháp Mười của Nguyễn Hiến Lê: Kinh Tháp Mười, Arroyo Commercial (nay là kinh Nguyễn Văn Tiếp).

Các chúa Nguyễn - nhà Nguyễn đã đạt được những thành tựu nhất định trong công cuộc khai hoang vùng Đông Tháp Mười ở Nam kỳ. Song, những gì đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của vùng này. Trước khi thực dân Pháp xâm lược người ta chỉ biết đến đây là vùng “Chằm”⁽¹⁾.

Sau khi cuộc xâm lược Nam kỳ của thực dân Pháp hoàn tất vào năm 1867, giới tư bản Pháp nhanh chóng chuyển sang khai thác thuộc địa trên mảnh đất này. Trong bối cảnh đó, hòa vào sự biến chuyển của đất Nam kỳ, vùng Đông Tháp Mười vẫn còn hoang vắng, xa lạ lại được tiếp nhận thêm những điều kiện mới để chuyển mình thay đổi.

Đông Tháp Mười là vùng đất có điều kiện tự nhiên khá đặc thù nên để khai thác và phát triển nó, thực dân Pháp đã chú ý đến việc xây dựng và cải tạo hệ thống thủy nông. Đông Tháp Mười trong thời kì Pháp thuộc không đơn thuần chỉ là nạo vét kênh rạch cũ hay đào kênh mới mà yếu tố thủy nông đã thể hiện rõ hơn. Trong hội nghị trừ bị thủy nông họp ngày 11-9-1944 do Chánh văn phòng nha Thống đốc Nha thủy nông và giao thông thủy Đông Dương đã đề xuất ý kiến về vùng Đông Tháp Mười như sau: cần đắp đê sông Tiên từ Mỹ Tho đi ngược lên phía bắc đến tận biên giới Campuchia để ngăn nước sông Tiên (vào mùa lũ); vào mùa

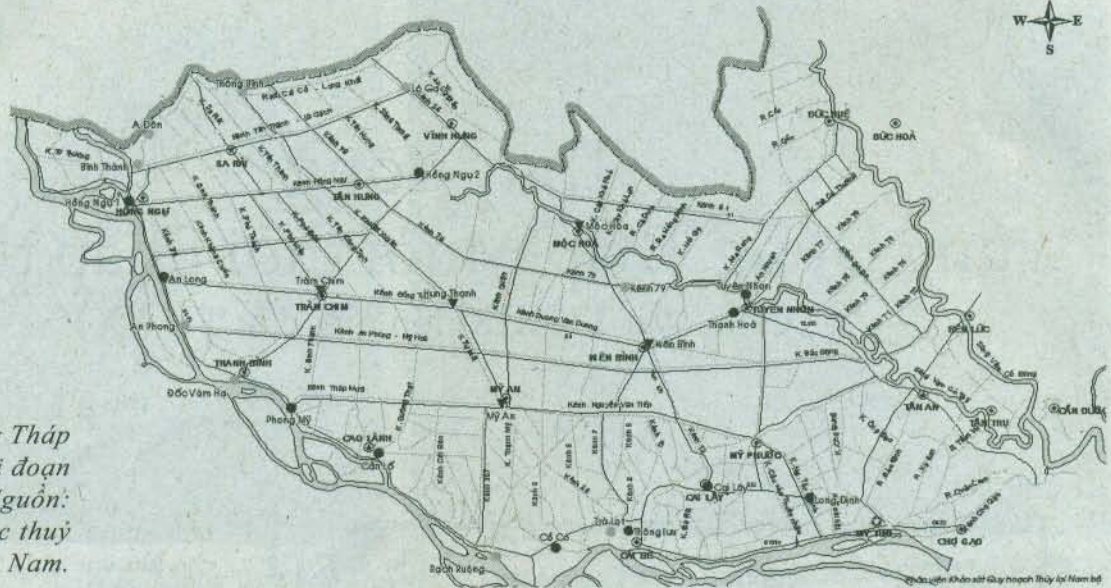
khô cạn để lấy nước từ sông Tiên cho lưu vực sông Vam Cỏ cần đào nhiều kênh, có cống đóng mở dưới đê sông Tiên⁽²⁾. Nhưng do chạy theo lợi nhuận, đầu tư theo kiểu “lợi ích trước mắt” nên thực dân Pháp chú trọng vào các vùng khác hơn đó là Châu Đốc, Cà Mau, Bạc Liêu, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, những vùng này có đầy đủ các Ban thủy nông chăm lo bảo dưỡng kênh rạch, đê điều, cống... Như vậy, do đặc thù về điều kiện tự nhiên cùng ý đồ khai thác của Pháp nên thủy nông vùng Đông Tháp Mười chỉ chú trọng nạo vét và đào kênh.

Ở bài viết này, tôi mạn phép nghiên cứu, viết và trao đổi về hệ thống kênh đào do chính quyền thực dân thi công để phục vụ nông nghiệp, giao thông, thương mại vùng Đông Tháp Mười.

Mục đích nạo vét, đào kênh của thực dân Pháp

Năm 1867, vừa bố trí xong bộ máy cai trị từ Gia Định đến tận các làng xã, thực dân Pháp đã thành lập một Ủy ban, nghiên cứu xác định các kênh rạch cũ cần cải tạo và đào những kênh mới với qui mô lớn nhằm phục vụ nhiều lợi ích mà thực dân pháp đã tính toán trước.

Năm 1875, Dupré thành lập Ủy ban thường trực, để xúc tiến việc hoàn chỉnh hệ thống giao thông thủy, từ Sài Gòn đi khắp đồng bằng sông Cửu Long, Ủy ban này làm việc liên tục cho đến 1879. Ngoài việc nạo vét các kênh cũ, Dupré đã cho đào các kênh mới: Trà Ôn



Kinh rạch Đồng Tháp Mười trong giai đoạn hiện nay. Nguồn: Viện khoa học thủy lợi miền Nam.

(1876), Chợ Gạo (1877) Cột Cờ - Mirado (1875) và Xanhta (1879)... Hầu hết, các kênh này được đào bằng thủ công, thô sơ nhờ vào sức lao động của nhân dân Nam bộ.

Hệ thống kênh đào thời Nguyễn đã có sẵn nhưng số lượng vẫn còn khiêm tốn, kĩ thuật đào kênh còn thô sơ (đào chủ yếu bằng thủ công, kênh cong queo, nơi giao nhau của kênh còn gấp khúc), không thể đáp ứng nhu cầu khai thác của tư bản Pháp; Đồng Tháp Mười còn hoang vắng, nơi bất ổn về chính trị (Thiên Hộ Dương chọn Gò Tháp – huyện Tháp Mười – tỉnh Đồng Tháp làm căn cứ); do sự đặc thù về địa hình, địa mạo của vùng đất này nên giải pháp tối ưu là cần phải đào kênh.

Và không ngoài: “Phát triển giao thông để duy trì trật tự an ninh trong các tỉnh, giúp cho việc trao đổi buôn bán và chuyên chở thóc gạo”⁽³⁾. Quân viễn chinh có lợi thế tuyệt đối so với nghĩa quân là nhiều tàu thủy, chạy bằng hơi nước, những con kênh tạo điều kiện cho chúng vươn nhanh, vươn xa đánh giết nghĩa quân. Trong một báo cáo gửi lên nhà cầm quyền lúc đó, kỹ sư F.Benaben đã kết luận: “Không có kinh giao thông dễ dàng thì không có thuộc địa hóa, vì an ninh đi song đôi với giao thông”⁽⁴⁾.

Dưới thời gian nhiệm kì của mình, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer chuẩn y và đẩy mạnh

hơn nữa việc đào kênh, tham vọng của P. Doumer được thể hiện với khẩu hiệu biến Việt Nam thành một “nước Pháp ở châu Á”⁽⁵⁾.

Hệ thống kênh đào chính được Pháp thi công ở Đồng Tháp Mười

Năm 1894, tại Mỹ Tho, công ty Montvenoux trúng thầu việc đào kênh và đặt cơ sở sửa chữa xáng múc. Điều đó đã khiến cho việc đào kênh được đẩy mạnh hơn. Năm 1895, công trình giao thông thủy và thủy lợi quan trọng đầu tiên ở Đồng Tháp Mười, do Trần Bá Lộc chủ xướng, chỉ huy đào, sau đó phát huy hiệu quả. Từ đó, thực dân Pháp chú ý hơn việc đào kênh trong vùng Đồng Tháp Mười với qui mô và kĩ thuật tiến bộ hơn là những chiếc xáng múc.

Theo miêu tả của nhà văn Sơn Nam thì: “Xáng thời ấy còn thô sơ về kĩ thuật, to như chiếc chiến hạm. Sức mạnh kiểu xáng to là 350 sức ngựa, xúc đất bằng những gàu sắt đặt liền nhau quanh vòng tròn như kiểu guồng đập nước, mỗi gàu chứa 375 lít, gàu xúc liên tục, đất đánh loãng ra bùn, thổi vào ống máng đưa xa đến 60m, có thể đào sâu từ 2,5m đến 9m. Những chiếc to từng hoạt động ở đồng bằng, tên xáng Năn, xáng La, Mỹ Tho 1, Mỹ Tho 2, (Nantes, Loire, tên đất ở Pháp)”⁽⁶⁾.

Nạo vét nâng cấp rạch Bến Lức và kênh Bảo Định.

Năm 1866, dù chưa chiếm hoàn toàn Nam bộ nhưng theo lệnh đô đốc Dupré, hai tàu cuốc nhỏ (được lắp ráp tại xưởng Ba Son) đi theo hải quân đến nạo vét, mở rộng rạch Bến Lức và kênh Bảo Định. Ngoài tàu cuốc, người Pháp đã bắt hành vạn dân phu lặn hụp nhiều tháng nhưng kết quả chưa được như ý muốn. Năm 1875, Đô đốc Dupré cho đào kênh Chợ Gạo và kênh Trà Ôn bằng cách dùng dân phu. Năm 1893, quan Toàn quyền De Lanessan cho đấu thầu ở Paris. Công ty Montvenoux trúng thầu với giá là 3,5 các một thước khối, trong tháng đầu phải đào 60.000 thước khối đất và năng xuất tăng thêm, trong tháng thứ 25 phải đào 200.000 thước khối⁽⁷⁾.

Kênh Bảo Định nối sông Vàm Cỏ Tây với sông Mỹ Tho (sông Tiền) nên đây là kênh đi vào vùng Đồng Tháp Mười từ hai phía: đông bắc (Tp. Tân An – tỉnh Long An ngày nay) và phía nam (Tp. Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang bây giờ). Với vị trí và vai trò quan trọng đó, vị thế, ngay khi chiếm đóng Nam kỳ (1867), người Pháp đã dùng máy xáng múc để mở rộng kênh Bảo Định và đặt tên là Ayorro de la Poste (kênh Bưu điện). Toàn bộ kênh dài độ 30km, ngang khoảng 30m, sâu 7 – 9m.

Kênh Tổng Đốc Lộc - Nguyễn Văn Tiếp

Trần Bá Lộc (1839 - 1899), sinh tại Cù lao Giêng (Chợ Mới, An Giang). Cha ông là tú tài Trần Bá Phước, trước ở Quảng Bình, sau vì bất hòa với gia tộc, ông vào Nam mở trường dạy học tại Cù lao Giêng năm 1829. Đối với thực dân Pháp Trần Bá Lộc là người có tài vì đã dàn áp thành công nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân khi Pháp mới chiếm Nam kỳ như: khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực (Tân An), khởi nghĩa của Thủ Khoa Huân (Mỹ Tho), khởi nghĩa Mai Xuân Thuồng (Phú Yên)...

Khi về già Lộc đau ung thư bao tử nhưng vẫn hăng hái ra tài "kinh bang tế thế"⁽⁸⁾. Loạn lạc không còn, Lộc ra tay chỉnh trang vùng Cái Bè.

Do thiếu đất để canh tác mà súc còn dư, Trần Bá Lộc nghĩ cách khai phá quận Cái Bè, xin phép đào kênh trong Đồng Tháp, bắt dân các làng phải làm phu trong công việc ấy. Hơn nữa, sau khi thực dân Pháp bình định xong Nam kỳ, với con mắt đầy tham vọng, Trần Bá Lộc nhận thấy vùng phía nam Đồng Tháp Mười đất đai màu mỡ, rất thuận tiện cho việc lập các đồn điền lớn. Vấn đề còn lại chỉ là làm sao để tháo nước ra khỏi lòng chảo này cho bớt ngập úng. Ngoài ra, còn cả mục đích chính trị vì đây là: "vùng đất quá rộng là Đồng Tháp Mười, nơi ít ai dám vào trung khấn vì bất lợi về khí hậu, thổ nhưỡng... Trần Bá Lộc hy vọng sẽ đào kênh, với cách đo đạc Tây phương, dùng những thước dây, ống ngắm, để rồi tha hồ làm chủ vùng đất to rộng, hẳn xin trung khấn nơi nào là chắc chắn thực dân chấp thuận nơi ấy. Ngoài ra, những con kênh đào tay này giúp hẳn kiểm soát vùng đất hoang vu, từng là nơi nương náu của nghĩa quân"⁽⁹⁾.

Chủ trương đào kênh được thảo ra thành một bản kế hoạch chi tiết và trình lên cấp trên, theo đó chính quyền Pháp ở Sài Gòn không phải chịu kinh phí. Trần Bá Lộc chỉ yêu cầu bắt dân làm phu, mỗi người dân ở huyện Cái Bè phải làm phu hai ngày. Chủ tỉnh Mỹ Tho (Cái Bè thuộc địa bàn Mỹ Tho) chấp

thuận kế hoạch, thống đốc Nam kỳ lúc đầu tỏ ra hoài nghi, sợ rằng việc đào kênh sẽ gây thêm bất mãn trong dân vì Trần Bá Lộc là người khét tiếng tàn bạo, nhưng rồi cũng chấp thuận với điều kiện là đào thử. Trong đợt đầu hai đoạn kênh ngắn, tổng cộng là 8km, bề ngang con kênh rộng 3m, rồi tạm ngưng lại chờ xem bờ kênh đứng vững được chăng. Nơi đất phèn lầy lội, có thể xảy ra trường hợp bờ kênh sạt lở hoặc ngược lại bờ thêm cứng nhờ ảnh hưởng của nắng gió, đối với đất bờ kênh, khi đã ráo phèn⁽¹⁰⁾.

Thử nghiệm đã thành công, từ năm 1896, Trần Bá Lộc được phép đào thêm mười con kênh khác, tổng cộng 103km, bề ngang trên mặt vẫn là 3m. Nhưng Tổng đốc Lộc lại làm đơn khiếu nại, cho rằng con kênh bề ngang nhỏ bé như thế chỉ là để tháo nước phèn, muốn giúp ích việc giao thông vận tải phải mở rộng bề ngang đến 10m. Đề nghị được chấp thuận, dân địa phương lại nhiều phen vất vả để rồi có con kênh to rộng, dài đến 47km, nối từ Rạch Ruộng phía sông Tiền Giang ăn thông đến kênh Bà Beo (đào thời Tây Sơn), nơi tiếp nối là phía Bắc rạch Cai Lậy. Những con kênh còn lại, với bề ngang nhỏ hơn, đóng vai trò kênh tháo phèn.

Hơn một năm sau là kế hoạch đào kênh hoàn thành, tháng 4-1897 chủ tỉnh Bocquillon của tỉnh Mỹ Tho tổ chức lễ khánh thành, với sự hiện diện của nhiều quan khách người Pháp. Tháng 7 năm ấy, Toàn quyền Đông Dương từ Hà Nội vào kinh lý Nam bộ đã đồng ý đặt tên là kênh Tổng đốc Lộc. Chủ tỉnh Mỹ Tho kế tiếp không thích việc đào kênh, do quá cực nhọc nên sợ lòng người oán hận, gây thêm mầm mống kháng Pháp. Bấy giờ, nhân dân đã chán chể, mặc dù lúc sau, Tổng đốc Lộc giúp phương tiện như tổ chức nhiều đoàn xe trâu đưa nước ngọt đến cho dân phu, cấp phát thêm xuống đào đất, thêm phầng để phát cỏ trước khi đào. Việc nặng nhọc nói trên đã khiến nhiều người chết vì bệnh sốt rét và dịch tả.

Năm 1899, Thống đốc Nam kỳ là Picanon tỏ ra năng nổ, thúc

giục Tổng đốc Lộc tiếp tục bắt dân xâu đào dài thêm 32 km kênh, nói rộng, nhờ vậy con đường vận tải trở nên dễ dàng từ bờ sông Tiền đến ranh giới tỉnh Tân An (cũ). Va Lộc được nhận bằng khen của thống đốc Nam kỳ. Công cuộc đào kênh ở Đồng Tháp Mười vẫn tiếp tục, với sự thúc hối của Toàn quyền Doumer, bấy giờ còn trẻ, nhiều tham vọng. Ông ta thích những công trình lớn, với cái nhìn thực tế, đầy đủ uy tín để thuyết phục chính quốc mở tài khoản cho Đông Dương vay nợ đào kênh, sau đó trả dần. Làm được công trình khai thác để bóc lột trên quy mô lớn, tận dụng khả năng sản xuất lúa gạo của Nam kỳ, ông ta lại nổi danh, khi mãn nhiệm kỳ, nhờ quyền hạn rộng lớn mà kế hoạch được thi hành nhanh chóng, trên nét chiến lược lớn, quả nhiên, tham vọng của ông ta được thỏa mãn, đặc cử vào tổng thống nước Pháp. Rồi đến giai đoạn chủ tỉnh Tân An là Lagrange, nhiều con kênh được đào thêm đầu thế kỷ XX. Kênh Tổng đốc Lộc thời kháng chiến chống Pháp được ta đổi tên là kênh Nguyễn Văn Tiếp (tên một đồng chí chủ tịch tỉnh Mỹ Tho đã hy sinh).

Như vậy, sau nhiều năm đầu tư đào kênh Trần Bá Lộc đã hình thành được một hệ thống kênh mương có quy mô lớn để đi sâu vào khai thác Đồng Tháp Mười đó là:

1- Kênh vành đai Đồng Tháp Mười (Grand canal de Ceinture de la plaine des joncs), còn gọi là kênh Tổng đốc Lộc, dài 42,2km, đi từ rạch Chanh (cũng gọi là kênh Bà Beo hay Thương Mại) tại làng Mỹ Hạnh Đông tổng Lợi Trinh rồi qua địa phận các tổng Lợi Thuận, Phong Hoa và Phong Phú để nối vào rạch Ruộng ở địa giới hai tỉnh Sa Đéc, Vĩnh Long.

2- Bốn kênh mang số 1,2,3,4 nằm trong làng Mỹ Lợi tổng Phong Phú đi chéo góc từ kênh Vành đai tới biên giới tỉnh Mỹ Tho - Sa Đéc. Kênh số 1 dài 6km, kênh số 2 dài 8km, kênh số 3 dài 9,8km, kênh số 4 dài 11,5km.

3- Kênh số 5 dài 18,1km đi từ ranh giới tỉnh Tân An, từ bắc xuống nam, cắt ngang kênh Vành đai làm

ranh giới cho hai tổng Phong Phú và Phong Hòa, rồi thông vào rạch Cái Thia.

4- Kênh số 6 dài 21,5km cũng đi từ ranh giới tỉnh Tân An, từ bắc xuống nam, cắt ngang kênh Vành đai và đi giữa tổng Phong Hòa, rồi ăn vào rạch Cái Thia nơi làng Mỹ Đức Đông.

5- Kênh số 7 dài 10,5km, cũng đi từ ranh tỉnh Tân An, từ bắc xuống nam, cắt ngang kênh Vành đai, tới làng Hậu Mỹ thì thông rạch Xếp ông Trinh.

6- Kênh số 8 dài 11,5km, đi chéo từ kinh số 7 nơi bắc làng Hậu Mỹ xuống phía nam làng Hậu Mỹ thì gặp cuối kênh số 10 rồi ăn thông vào rạch Thủ Ngự.

7- Kênh số 9 dài 10,5km, rộng

thì còn phải đào trên 100km nữa. Đến năm 1900, viên phó tỉnh Mỹ Tho (cai trị Cái Bè sau khi Lộc chết) đào mở thêm được 35km đường kênh theo kế hoạch trên. Trong đó, có ba kênh chảy song song ở phía bắc làng Mỹ Lợi, từ ranh giới Sa Đéc đến kênh số 5⁽¹¹⁾.

Sau Tổng đốc Lộc, chính phủ Pháp tiếp tục công việc đào kênh ấy. Trong 5 năm đầu thế kỉ, chánh tham biện Helgouach và Lagrange cho đào những kênh 25 - 26 - 27 - 28 ở phía tây và phía nam kênh Tổng đốc Lộc và những kênh Lagrange, kênh 12 ở phía bắc. Cũng trong thời ấy, tỉnh Sa Đéc đào kênh Tháp Mười và kênh Cái Bèo.

Luôn trong 30 năm sau, công

Kênh Lagrange - Dương Văn Dương

Lagrange là tham biện Tân An (nay là tỉnh Long An) đứng ra điều hành đào con kênh vào những năm 1899 - 1903 (cùng với các kênh Cờ Nhíp, Đá Biền), nối sông Vàm Cỏ Tây ở đầu phía đông và kênh Phước Xuyên, kênh Đông Tiến ở đầu phía tây tại ngã tư gầy Cờ Đen. Đây là thủy lộ quan trọng từ phía đông (sông Vàm Cỏ Tây) về phía tây; ở đoạn phía tây: đi theo kênh Đông Tiến đến sông Tiền và đi kênh Phước Xuyên đến Tân Hưng - thuộc Long An ngày nay (chạy song song với kênh 79), rẽ trái đi Hồng Ngự và rẽ phải đi qua kênh Hồng Ngự đi Vĩnh Hưng - thuộc tỉnh Long An.

Theo Nguyễn Hiến Lê: "Kênh này là một trong những kênh lớn nhất ở Đồng Tháp, một khúc đào từ đầu thế kỉ do sáng kiến của cựu Chánh tham biện (ở Trung và Bắc gọi là Công sứ) Tân An là Lagrange. Kinh rộng trên 20 thước, đất trong kinh đắp lên hai bên, thành thử bờ cao gần như con đê"⁽¹²⁾.

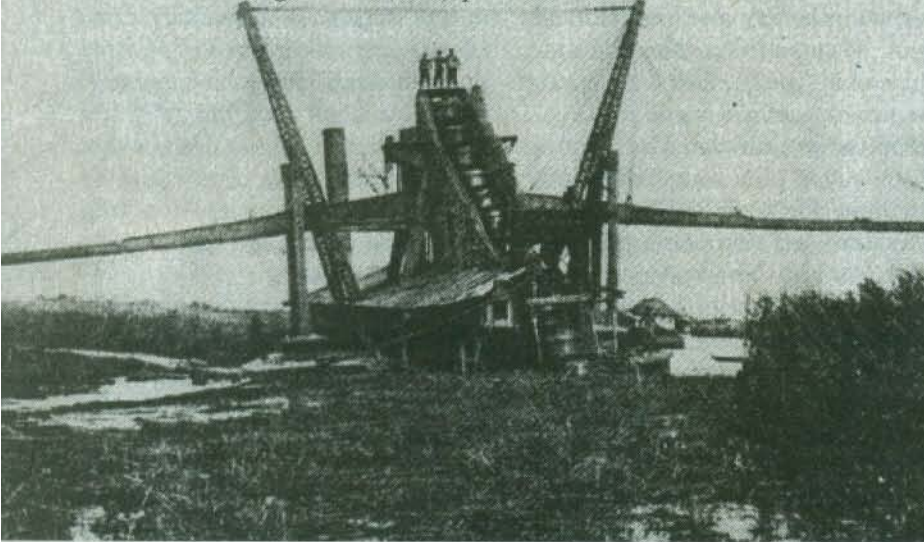
Năm 1925 - 1927, kênh được hãng thầu Pháp là Monvéneux tổ chức nạo vét với quy mô lớn hơn⁽¹³⁾. Sau nhiều lần nạo vét kênh có chiều dài 45km, rộng 40m, sâu 4m. Kênh được đặt tên là Lagrange, ngoài ra còn có những tên khác như kênh Ông Lớn, kênh Cùg. Năm 1947, chính quyền cách mạng đổi tên kênh Lagrange thành kênh Dương Văn Dương (chiến sĩ Bình Xuyên tích cực kháng Pháp, từng là Khu bộ phó khu 7 Nam bộ).

Ngày nay, con kênh này tiếp nhận nước ngọt từ sông Tiền để tưới cho những cánh đồng hai vụ của huyện Tân Thạnh (Long An).

Kênh Tháp Mười

Trong năm 1922, từ Rạch Chanh, thực dân Pháp cho nạo vét thẳng lên Bà Bèo. Đồng thời, xuất phát từ khoảng giữa kênh Tổng đốc Lộc (đầu rạch Cái Núa), Pháp cho đào thẳng tiếp tục về hướng tây Đồng Tháp Mười, xuyên qua cánh đồng hoang vu để ra sông Tiền, dài khoảng 60km. Đoạn kênh này đi ngang qua khu phước tích Gò Tháp

Xưởng II này đã từng thực hiện đào kinh Xà No. Nguồn: GGI. Dragages du Cochinchine: Canal Rachgia-Hatien (1930), p.29.



6m, sâu 2m, đi từ ranh tỉnh Tân An nơi thông với rạch Đá Biền, rạch này chảy thông tới sông Vàm Cỏ Tây, rồi từ bắc xuống nam làm ranh hai tổng Thuận Hòa và Lợi Thuận, chảy qua kinh Vành đai rồi thông với kênh số 8.

8- Kênh số 10 dài 11,4km, đi từ kênh số 9 nơi giáp ranh tỉnh Tân An, rồi cắt ngang kênh Vành đai, rồi sau đó ăn thông với rạch Cái Gáo nơi làng Giai Mỹ.

Trong *Địa chí Mỹ Tho* năm 1902 đã viết: "Tất cả những kênh mương trên đều do chủ quận Cái Bè Trần Bá Lộc đã khéo léo chỉ huy đào mở. Theo kế hoạch của Lộc tính trước,

việc bỗng ngừng hẳn, chỉ còn một số tư nhân đào những kênh nhỏ nhỏ rộng một, hai thước để chở lúa hoặc tháo nước phèn ra sông lớn.

Trước người Pháp công cuộc đào kênh trong vùng Đồng Tháp Mười đã được nhà Nguyễn quan tâm khi (năm 1850) cử Nguyễn Tri Phương làm Kinh lược đại sứ Nam kỳ. Vì thế, Nguyễn Tri Phương đã tập hợp dân binh để đào con kênh theo hướng này. Nhưng công việc chưa thành thì thực dân Pháp đã đến, ông phải tập trung cho đại sự chống Pháp xâm lược.

(tương truyền là tháp mười tầng của cư dân Phù Nam xưa) nên gọi là kênh Tháp Mười. Chính đoạn kênh mới đào này đã đưa nước từ phía trên sông Tiền vào làm thông dòng chảy từ sông Tiền qua sông Vam Cỏ Tây nhằm rửa phèn vốn tích tụ lâu đời trong lòng chảo Đồng Tháp Mười.

Để thuận lợi cho giao thông đường thủy, Pháp chủ trương đào thẳng, nhiều đoạn đào trong đất liền chú không theo kênh cũ cong queo. Cho nên người dân cũng gọi kênh này là kênh Mới để phân biệt với kênh Cũ ở những đoạn cong queo. Khi công trình hoàn thành, người Pháp đặt lại tên mới là Arroyo Commercial (tức kênh Thương

Mại) vì nó giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. ■

(Xem tiếp kỳ sau)

CHÚ THÍCH:

1. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, tập thượng, q. 1 và q. 2, Nxb Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, tr.69.

2. Phan Khánh (2004), *Nam bộ 300 năm làm thủy lợi*, Nxb Nông nghiệp, Tp.HCM, tr.35 - 136.

3, 4. Phan Khánh (2001), *Đồng bằng sông Cửu Long lịch sử và lũ lụt*, Nxb Nông nghiệp, Tp.HCM, tr.88.

5. Sơn Nam (2008), *Sài Gòn xưa - Ấn tượng 300 năm và tiếp cận với*

Đồng bằng sông Cửu Long, Nxb Trẻ, Tp.HCM, tr.239.

6. Sơn Nam (1997), *Đất Gia Định xưa*, Nxb Trẻ, Tp.HCM, tr.115.

7. Sơn Nam (2008), sdd, tr.24.1

8. Sơn Nam (2009), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Trẻ, Tp.HCM, tr.161.

9, 10. Võ Trần Nhã (1993), *Lịch sử Đồng Tháp Mười*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tp.HCM, tr.23, tr.23 - 24.

11. Trần Bạch Đằng (1996), *Địa chí Đồng Tháp Mười*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.167.

12. Nguyễn Hiến Lê (1989), *Bảy ngày trong Đồng Tháp Mười*, Nxb Long An, tr.32.

13. Trần Bạch Đằng (1996), sdd, tr.101.

NHỚ ANH TẠ QUANG BỬU

Võ Thủ Tịnh

Cách đây không lâu, một hôm nhân đến quận 14, Paris thăm thầy Nguyễn Huy Bảo, cựu Khoa trưởng Đại học Văn khoa Sài Gòn, tôi được thầy tặng cho một bức ảnh chụp ở Huế vào khoảng 1936. Trong ảnh này, theo thứ tự từ trái sang phải, ta thấy có các giáo sư Nguyễn Thúc Hào, Đào Duy Anh, Nguyễn Lân, Tạ Quang Bửu, Đào Đăng Vỹ, Nguyễn Huy Bảo. Người Pháp đứng giữa giáo sư Tạ Quang Bửu và Đào Đăng Vỹ, là trưởng Niedrist, một trong các trưởng đã đứng lên tranh đấu sáng lập cho được Hội Hướng đạo Việt Nam, độc lập, tách rời ra khỏi Hội Hướng đạo Pháp.

Đây là một nhóm trí thức quan tâm đến việc diu dắt thanh niên để "sẵn sàng phục vụ" nhân dân và tổ quốc, theo đúng phương châm và tinh thần của Hướng đạo.

Các thầy, các trưởng này đã có công đào tạo chúng tôi thành người hữu dụng, còn chúng tôi, về sau, đã phục vụ theo chiều hướng nào? Đó là trách nhiệm của mỗi cá nhân chúng tôi. Không vì thế mà quên ơn các thầy, các trưởng được.

Riêng phần tôi, tôi còn nhớ

mãi công lao của các thầy: giáo sư Nguyễn Huy Bảo đã dạy cho chúng tôi ý thức được vì sao phải tôn trọng "sinh mệnh và phẩm giá con người", giáo sư Nguyễn Lân đã đem lại cho chúng tôi lòng "tự hào dân tộc" qua những minh chứng hùng hồn về khả năng diễn đạt phong phú của ngôn ngữ Việt Nam... Là một Hướng đạo sinh, tôi được sinh hoạt, học tập với trưởng Nguyễn Hy Đơn ở Âu đoàn Paul Doumer, với trưởng Tráng Cử ở thiếu đoàn Hùng Vương, với trưởng Tạ Quang Bửu ở Tráng đoàn Bạch Đằng.

Một đặc điểm của Tráng đoàn Bạch Đằng là không dùng sơ-mi kaki ngoại hóa, không đội mũ nỉ đất tiền ngoại hóa, không mang nhiều phù hiệu loe loet, không dùng Pháp ngữ giữa các tráng sinh, mà mặc áo vải nội hóa, cắt tay, cổ chữ V, nhuộm củ nâu, đội nón lá Việt Nam, chỉ mang một số phù hiệu cần thiết, nói toàn tiếng Việt với nhau...

Trưởng Tạ Quang Bửu quê Hà Tĩnh, điềm đạm, ít nói, mà vui tính, khoan hòa. Anh thường nhắc nhở chúng tôi rằng:

- Mọi hoạt động thử thách ở các đơn vị Hướng đạo chỉ là những

phương tiện rèn luyện con người. Điều quan trọng là sau này, ra đời, các em có làm được gì hữu ích cho kẻ khác, tư cách có xứng danh Hướng đạo sinh, hành động có thật lòng yêu mến đồng bào, có trung thành với tổ quốc Việt Nam hay không. Khi chúng ta quan niệm rằng "đời là một trò chơi lớn" không có nghĩa là coi đời như một cuộc đùa giỡn, mà khinh suất. Trong một trò chơi có khi thắng, có khi thua, đó là lẽ thường. Người Hướng đạo phải chơi cho thẳng thắn, vui vẻ trước mọi khó khăn, thắng không kiêu mà bại không hèn học, chán nản...

Tôi còn nhớ mãi cuộc cắm trại ở đồi Vạn Xuân (Huế), trời rất lạnh. Sáng dậy, anh Bửu lấy ra một chiếc áo len mới và đẹp mặc vào. Chúng tôi hỏi, anh cho biết áo ấy anh mới mua ở Londres trong dịp anh đi họp Hướng đạo quốc tế ở Anh quốc tháng vừa qua. Vừa có một cụ già từ dưới làng đi lên, ghé lại chơi, nghe nói, đến gần anh, mân mê chiếc áo, hỏi:

- Chắc là mặc ấm lắm nhỉ?

Anh Bửu quay lại nhìn cụ già co ro trong chiếc áo mỏng có vá nhiều nơi, anh liền cởi chiếc áo len ra đưa